

BỘ TÀI CHÍNH**BỘ TÀI CHÍNH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 87/2010/TT-BTC

Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 2010

THÔNG TƯ**Quy định việc quản lý và xử lý tài sản của các dự án
sử dụng vốn nhà nước khi dự án kết thúc**

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 137/2006/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ quy định việc phân cấp quản lý nhà nước đối với tài sản nhà nước tại cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Chỉ thị số 17/2007/CT-TTg ngày 25 tháng 7 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường quản lý tài sản của các Ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước;

Bộ Tài chính quy định việc quản lý và xử lý tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước khi dự án kết thúc như sau:

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Thông tư này quy định việc quản lý và xử lý tài sản thuộc các chương trình, đề án, dự án (sau đây gọi chung là dự án) sử dụng vốn nhà nước, bao gồm cả các dự án sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn viện trợ phi chính phủ nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước khi dự án kết thúc.

Thông tư này không áp dụng đối với dự án của các tổ chức kinh tế được ngân sách nhà nước hỗ trợ vốn, tài sản viện trợ phi dự án.

2. Trường hợp dự án chưa kết thúc nhưng cần phải xử lý các tài sản phục vụ hoạt động của dự án không còn sử dụng được hoặc không cần sử dụng trong quá trình thực hiện dự án cũng được thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

3. Trường hợp trong các văn kiện cụ thể về ODA hoặc viện trợ phi chính phủ nước ngoài có quy định khác về xử lý tài sản của dự án khi dự án kết thúc thì thực hiện theo quy định tại văn kiện đó.

4. Trường hợp Ban quản lý dự án được giao quản lý nhiều dự án, hoạt động theo mô hình đơn vị sự nghiệp hoặc doanh nghiệp, việc quản lý và xử lý đối với tài sản phục vụ công tác chung của Ban quản lý dự án thực hiện theo quy định về quản lý sử dụng tài sản nhà nước tại đơn vị sự nghiệp công lập hoặc doanh nghiệp; việc quản lý và xử lý đối với tài sản phục vụ hoạt động riêng của từng dự án thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

Điều 2. Đối tượng điều chỉnh

1. Tài sản phục vụ hoạt động của dự án khi dự án kết thúc (bao gồm cả dự án kết thúc từng phần hoặc theo từng giai đoạn thực hiện của dự án) bao gồm:

a) Trụ sở làm việc và các tài sản khác gắn liền với đất, bao gồm cả phần diện tích đất được giao để phục vụ công tác thi công của dự án;

b) Phương tiện vận tải;

c) Máy móc, trang thiết bị làm việc và các tài sản khác phục vụ hoạt động của dự án.

2. Tài sản phục vụ hoạt động của các chuyên gia nước ngoài, các nhà thầu tư vấn, giám sát, thi công thực hiện các dự án sử dụng vốn ODA và nguồn viện trợ phi chính phủ nước ngoài khi dự án kết thúc, các chuyên gia, nhà thầu chuyển giao tài sản cho phía Việt Nam (gọi chung là tài sản do phía nước ngoài chuyển giao cho Chính phủ Việt Nam).

3. Vật tư thu hồi từ việc tháo dỡ các công trình kết cấu hạ tầng phục vụ lợi ích công cộng, lợi ích quốc gia (sau đây gọi tắt là công trình kết cấu hạ tầng) cũ, khi xây dựng công trình kết cấu hạ tầng mới.

Chương II

XỬ LÝ TÀI SẢN PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG CỦA DỰ ÁN

Điều 3. Bảo quản tài sản

1. Khi dự án kết thúc, chủ đầu tư, chủ dự án hoặc Ban quản lý dự án (sau đây gọi chung là Ban quản lý dự án) có trách nhiệm bảo quản tài sản và hồ sơ của tài sản theo nguyên trạng cho đến khi bàn giao cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án được tiếp nhận hoặc hoàn thành việc bán, thanh lý tài sản theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

Trường hợp dự án đã kết thúc và Ban quản lý dự án đã giải thể nhưng chưa xử lý xong tài sản thì cơ quan chủ quản dự án có trách nhiệm bảo quản tài sản, hồ sơ tài sản và thực hiện các nhiệm vụ khác của Ban quản lý dự án quy định tại Thông tư này.

2. Nghiêm cấm việc tháo dỡ, thay đổi kết cấu, phụ tùng, linh kiện của tài sản; cho thuê, cho mượn tài sản hoặc tự ý sử dụng tài sản khi chưa có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 4. Hình thức xử lý tài sản

Tài sản phục vụ hoạt động của dự án khi dự án kết thúc được xử lý theo các hình thức sau đây:

1. Điều chuyển cho các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị vũ trang nhân dân, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (sau đây gọi chung là cơ quan, tổ chức, đơn vị) có nhu cầu sử dụng tài sản mà còn thiếu tài sản so với tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định; điều chuyển để phục vụ hoạt động của các dự án khác.

2. Thanh lý đối với các tài sản đã vượt quá thời gian sử dụng theo chế độ mà không thể tiếp tục sử dụng; tài sản bị hư hỏng không thể sử dụng được hoặc việc sửa chữa không có hiệu quả; trụ sở làm việc hoặc tài sản khác gắn liền với đất phải phá dỡ theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và các trường hợp được thanh lý khác theo quy định của pháp luật.

3. Bán đổi với các tài sản không xử lý theo hình thức điều chuyển hoặc thanh lý quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này. Việc bán tài sản được thực hiện thông qua phương thức đấu giá công khai theo quy định của pháp luật, trừ các trường hợp sau đây được phép bán chỉ định:

a) Tổ chức hoặc cá nhân đăng ký mua tài sản trên đất, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất để sử dụng cho mục đích xã hội hóa thuộc lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, môi trường phù hợp với quy hoạch được duyệt. Nếu có từ hai tổ chức, cá nhân đăng ký mua tài sản trên đất, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho mục đích xã hội hóa thuộc các lĩnh vực nêu trên thì thực hiện đấu giá giữa các đối tượng tham gia đăng ký;

b) Trường hợp đã hết thời hạn đăng ký tham gia đấu giá tài sản mà chỉ có một tổ chức hoặc cá nhân đăng ký mua tài sản và trả giá ít nhất bằng giá khởi điểm;

c) Trường hợp giá trị tài sản theo đánh giá lại dưới 50 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

4. Đối với diện tích đất được giao (hoặc tạm giao) để phục vụ công tác thi công dự án, sau khi hoàn thành thi công dự án, Ban quản lý dự án có trách nhiệm trả lại Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) để xử lý theo quy định của pháp luật về đất đai.

Điều 5. Thẩm quyền xử lý tài sản của các dự án thuộc trung ương quản lý

1. Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định:

a) Bán trụ sở làm việc và các tài sản khác gắn liền với đất theo đề nghị của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương (sau đây gọi chung là Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương);

b) Điều chuyển tài sản giữa các Bộ, cơ quan trung ương hoặc giữa cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án thuộc trung ương quản lý với cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án thuộc địa phương quản lý theo đề nghị của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định:

a) Điều chuyển tài sản cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý;

b) Điều chuyển tài sản để phục vụ hoạt động của các dự án khác thuộc phạm vi quản lý của Bộ, cơ quan trung ương;

- c) Bán tài sản không thuộc phạm vi điểm a khoản 1 Điều này;
- d) Thanh lý tài sản.

Việc quyết định điều chuyển tài sản là trụ sở làm việc và tài sản khác gắn liền với đất; quyết định điều chuyển, bán, thanh lý xe ô tô các loại quy định tại khoản này được thực hiện sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Bộ Tài chính.

Điều 6. Thẩm quyền xử lý tài sản của các dự án thuộc địa phương quản lý

1. Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định điều chuyển tài sản của các dự án thuộc địa phương quản lý cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án thuộc trung ương quản lý hoặc giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo đề nghị của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chuyển tài sản trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, bán, thanh lý tài sản là trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất, phương tiện vận tải theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và Thủ trưởng các cơ quan liên quan; quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định điều chuyển, bán, thanh lý đối với những tài sản còn lại.

Điều 7. Trình tự xử lý tài sản

1. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày dự án kết thúc, Ban quản lý dự án có trách nhiệm kiểm kê các tài sản phục vụ hoạt động của dự án theo Biên bản kiểm kê tài sản (Mẫu số 01/TSDA ban hành kèm theo Thông tư này) gửi Bộ, cơ quan trung ương là cơ quan chủ quản dự án (đối với các dự án thuộc trung ương quản lý); gửi Sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh là cơ quan chủ quản dự án (đối với các dự án thuộc địa phương quản lý).

Trường hợp khi kiểm kê phát hiện thừa, thiếu tài sản phải ghi rõ trong Biên bản kiểm kê tài sản, xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm và đề xuất biện pháp xử lý theo chế độ quản lý, sử dụng tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2. Các Bộ, cơ quan trung ương (đối với các dự án thuộc trung ương quản lý); Sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (đối với các dự án thuộc địa phương quản lý) có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị xử lý tài sản của dự án kết thúc để quyết định xử lý theo thẩm quyền hoặc

trình cấp có thẩm quyền quyết định xử lý theo quy định tại Điều 5, Điều 6 Thông tư này.

Hồ sơ đề nghị xử lý tài sản gồm:

a) Văn bản đề nghị xử lý tài sản;

b) Bảng tổng hợp danh mục tài sản đề nghị xử lý theo Mẫu số 02/TSDA ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Trường hợp tài sản đề nghị xử lý theo hình thức điều chuyển cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án thì phải có văn bản đề nghị tiếp nhận tài sản của các cơ quan có liên quan quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 và khoản 1, khoản 2 Điều 6 Thông tư này.

3. Trường hợp Ban quản lý dự án, cơ quan chủ quản dự án không đề xuất phương án xử lý hoặc đề xuất phương án xử lý không phù hợp với quy định tại Thông tư này, cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản quy định tại Điều 5, Điều 6 Thông tư này quyết định thu hồi để xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

4. Sau khi có quyết định xử lý tài sản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, việc tổ chức xử lý tài sản được thực hiện như sau:

a) Đối với tài sản có quyết định điều chuyển: Ban quản lý dự án chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án được tiếp nhận tài sản thực hiện việc bàn giao, tiếp nhận tài sản theo Thông tư của Bộ Tài chính hướng dẫn việc tiếp nhận và bàn giao tài sản giữa các cơ quan hành chính sự nghiệp, tổ chức kinh tế theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền;

b) Đối với tài sản có quyết định bán: Trình tự, thủ tục bán đấu giá, bán chỉ định thực hiện theo quy định tại Nghị định của Chính phủ và Thông tư của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

c) Đối với tài sản có quyết định thanh lý: Phương thức, trình tự, thủ tục thanh lý thực hiện theo quy định tại Nghị định của Chính phủ và Thông tư của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

d) Trường hợp dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng theo tuyến, tài sản phục vụ hoạt động của dự án thuộc trung ương quản lý được trang bị ở nhiều tỉnh, thành phố

trực thuộc Trung ương thì Ban quản lý dự án ở trung ương có thể ủy quyền cho cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản đó ở địa phương tổ chức bán, thanh lý tài sản theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 5 Thông tư này;

đ) Khi bán, thanh lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án, đơn vị được giao xử lý tài sản phải xuất Hóa đơn bán tài sản nhà nước do Bộ Tài chính phát hành cho người mua tài sản.

Chương III

XỬ LÝ TÀI SẢN DO PHÍA NƯỚC NGOÀI CHUYỂN GIAO CHO CHÍNH PHỦ VIỆT NAM

Điều 8. Tiếp nhận, bảo quản tài sản

1. Chủ dự án có trách nhiệm tiếp nhận tài sản từ phía nước ngoài chuyển giao. Việc tiếp nhận tài sản được lập thành biên bản theo Mẫu số 03/TSDA ban hành kèm theo Thông tư này, trong đó ghi rõ số lượng, hiện trạng của tài sản, giá trị tài sản (nếu có) kèm theo các hồ sơ có liên quan đến tài sản.

2. Chủ dự án có trách nhiệm bảo quản tài sản đã tiếp nhận và hồ sơ của tài sản theo nguyên trạng cho đến khi bàn giao cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án được tiếp nhận hoặc hoàn thành việc bán, thanh lý tài sản theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

Nghiêm cấm việc tháo dỡ, thay đổi kết cấu, phụ tùng, linh kiện của tài sản; cho thuê, cho mượn tài sản hoặc tự ý sử dụng tài sản khi chưa có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Đối với tài sản do phía nước ngoài chuyển giao nhưng chưa hoàn thành nghĩa vụ thuế với Nhà nước thì chủ dự án phải làm thủ tục chuyển nhượng và nộp thuế theo quy định của pháp luật trước khi trình cấp có thẩm quyền xác lập quyền sở hữu tài sản của Nhà nước và phê duyệt phương án xử lý tài sản.

Trường hợp chủ dự án không bố trí được kinh phí để tạm ứng nộp thuế thì chủ dự án báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản quyết định nộp thuế sau khi bán, thanh lý tài sản hoặc giao cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án được tiếp nhận điều chuyển làm thủ tục nộp thuế theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Xác lập quyền sở hữu của Nhà nước đối với tài sản nhận chuyển giao

1. Chủ dự án có trách nhiệm trình cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này quyết định xác lập quyền sở hữu của Nhà nước đối với tài sản đã tiếp nhận theo quy định của pháp luật.

2. Thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu của Nhà nước:

a) Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định xác lập quyền sở hữu của Nhà nước đối với tài sản do chuyên gia, nhà thầu thực hiện dự án thuộc trung ương quản lý chuyên giao;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định xác lập quyền sở hữu của Nhà nước đối với tài sản do chuyên gia, nhà thầu thực hiện dự án thuộc địa phương quản lý chuyên giao.

Điều 10. Hình thức, thẩm quyền, trình tự xử lý tài sản

1. Hình thức xử lý tài sản, thẩm quyền quyết định xử lý tài sản, trình tự xử lý tài sản thực hiện theo quy định tại các Điều 4, 5, 6 và 7 Thông tư này.

2. Khi bán, thanh lý tài sản do phía nước ngoài chuyên giao cho Chính phủ Việt Nam, đơn vị được giao xử lý tài sản phải xuất Hóa đơn bán tài sản tịch thu, sung quỹ nhà nước do Bộ Tài chính phát hành cho người mua tài sản.

Chương IV**XỬ LÝ VẬT TƯ THU HỒI TỪ VIỆC THÁO DỠ
CÁC CÔNG TRÌNH KẾT CẤU HẠ TẦNG CŨ****Điều 11. Tháo dỡ, bảo quản vật tư thu hồi**

1. Khi xây dựng công trình kết cấu hạ tầng, Ban quản lý dự án có trách nhiệm tổ chức tháo dỡ hoặc thuê tổ chức, cá nhân có chức năng tháo dỡ công trình kết cấu hạ tầng cũ (nếu có) và thu hồi vật tư còn có giá trị sử dụng để xử lý theo quy định (trừ trường hợp dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy định nhà thầu thi công có trách nhiệm tháo dỡ công trình kết cấu hạ tầng cũ).

2. Ban quản lý dự án có trách nhiệm bảo quản vật tư thu hồi từ việc tháo dỡ các công trình kết cấu hạ tầng cũ theo nguyên trạng cho đến khi hoàn thành việc điều chuyển, bán theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

Nghiêm cấm việc cho thuê, cho mượn hoặc tự ý sử dụng, bán vật tư thu hồi được từ việc tháo dỡ các công trình kết cấu hạ tầng cũ.

Điều 12. Hình thức xử lý

1. Vật tư thu hồi từ việc tháo dỡ các công trình kết cấu hạ tầng cũ được xử lý theo hình thức điều chuyển, bán quy định tại Điều 4 Thông tư này.

2. Trường hợp dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy định giá trị vật tư thu hồi được tính trừ vào tổng mức đầu tư của dự án thì nhà thầu thực hiện dự án tổ chức xử lý tài sản theo quy định của pháp luật; không xử lý theo quy định tại Thông tư này.

Điều 13. Thẩm quyền quyết định, trình tự xử lý

1. Thẩm quyền quyết định xử lý và trình tự xử lý vật tư thu hồi từ việc tháo dỡ các công trình kết cấu hạ tầng cũ thực hiện theo quy định tại các Điều 5, 6 và 7 Thông tư này.

2. Khi bán vật tư thu hồi từ việc tháo dỡ các công trình kết cấu hạ tầng cũ, đơn vị được giao xử lý tài sản phải xuất Hóa đơn bán tài sản nhà nước do Bộ Tài chính phát hành cho người mua tài sản.

Chương V

QUẢN LÝ TÀI CHÍNH TRONG QUÁ TRÌNH XỬ LÝ TÀI SẢN

Điều 14. Các khoản chi phí phát sinh trong quá trình xử lý tài sản

1. Chi phí bảo quản tài sản: Chi phí thuê kho, bãi để bảo quản tài sản, chi cho công tác bảo vệ tài sản.

2. Chi phí làm thủ tục chuyển nhượng, nộp thuế (nếu có) đối với tài sản do phía nước ngoài chuyển giao cho Chính phủ Việt Nam.

3. Chi phí tháo dỡ, thu hồi vật tư của các công trình kết cấu hạ tầng cũ khi xây dựng công trình kết cấu hạ tầng mới (trong trường hợp chi phí này không được tính vào tổng mức đầu tư của dự án xây dựng công trình kết cấu hạ tầng mới).

4. Chi phí bán đấu giá tài sản: Chi phí xác định giá khởi điểm; phí đấu giá trong trường hợp ủy quyền cho tổ chức có chức năng bán đấu giá thực hiện việc bán đấu giá tài sản.

Trong trường hợp việc bán đấu giá do Hội đồng định giá và bán đấu giá thực hiện thì chi phí về bán đấu giá tài sản gồm: Chi phí xác định giá khởi điểm, thông báo, niêm yết công khai việc bán đấu giá, tổ chức phiên bán đấu giá, chi bồi dưỡng cho các thành viên hội đồng và các chi phí khác có liên quan đến việc bán đấu giá.

5. Chi phí thanh lý tài sản: Chi phí cho việc tổ chức bán hoặc phá dỡ, hủy bỏ tài sản.

6. Chi phí phát sinh trong quá trình bàn giao, tiếp nhận tài sản.

7. Chi phí khác có liên quan.

Điều 15. Mức chi

Mức chi cho từng khoản chi quy định tại Điều 14 Thông tư này thực hiện theo tiêu chuẩn, định mức và chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định; trường hợp chưa có tiêu chuẩn, định mức và chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định thì người đứng đầu của cơ quan có trách nhiệm xử lý tài sản quyết định chi, đảm bảo phù hợp với chế độ quản lý tài chính hiện hành của Nhà nước và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Điều 16. Nguồn kinh phí

1. Đối với tài sản có quyết định bán, thanh lý: Nguồn kinh phí để chi cho các nội dung quy định tại Điều 14 Thông tư này được sử dụng từ số tiền thu được do bán hoặc thanh lý tài sản. Trường hợp việc xử lý tài sản không phát sinh nguồn thu hoặc số thu không đủ bù đắp chi phí thì phần chi phí còn thiếu được quyết toán vào chi phí khác của dự án.

2. Đối với tài sản có quyết định điều chuyển, cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án được tiếp nhận tài sản có trách nhiệm chi trả các chi phí có liên quan.

Điều 17. Quản lý, sử dụng số tiền thu được khi bán, thanh lý tài sản

Số tiền thu được từ bán, thanh lý tài sản, sau khi trừ đi các chi phí có liên quan quy định tại Điều 14 của Thông tư này, được nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 18. Tổ chức thực hiện

1. Các Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

- a) Chỉ đạo việc thực hiện quản lý và xử lý tài sản của các dự án thuộc phạm vi quản lý theo hướng dẫn tại Thông tư này và quy định của pháp luật có liên quan;
- b) Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hàng năm về tình hình xử lý tài sản của các dự án kết thúc theo mẫu số 04/TSDA và mẫu số 05/TSDA ban hành kèm theo Thông tư này và gửi về Bộ Tài chính trước ngày 31 tháng 01 của năm sau.

2. Cục Quản lý công sản, Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm giúp Bộ trưởng Bộ Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, xử lý tài sản của các dự án kết thúc theo hướng dẫn tại Thông tư này.

Điều 19. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2010.
2. Bãi bỏ Thông tư số 116/2005/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý và xử lý tài sản của các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước khi dự án kết thúc.
3. Đối với tài sản của các dự án đã kết thúc trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, nhưng chưa có quyết định xử lý thì thực hiện xử lý theo quy định tại Thông tư này. Trường hợp tài sản đã có quyết định xử lý thì thực hiện theo quy định tại thời điểm quyết định xử lý.
4. Trong quá trình thực hiện Thông tư, nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, đơn vị phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính (Cục Quản lý công sản) để phối hợp giải quyết./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Hữu Chí

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM KÊ TÀI SẢN CỦA DỰ ÁN KẾT THÚC

1. Tên dự án:.....
2. Cơ quan chủ quản:.....
3. Thời điểm kiểm kê:..... giờ, ngày..... tháng..... năm.....
4. Thành phần gồm:
 - Ông (bà):..... Chức vụ:.....
 - Ông (bà):..... Chức vụ:.....
 - Ông (bà):..... Chức vụ:.....
 - Ông (bà):..... Chức vụ:.....
5. Kết quả kiểm kê:
 - 5.1. Đối với tài sản phục vụ hoạt động của dự án:

STT	Danh mục tài sản (chi tiết theo từng loại tài sản)	Đơn vị tính	Năm đưa vào sử dụng	Số liệu tài sản theo sổ kế toán			Số lượng/ Khối lượng tài sản theo kiểm kê	Số lượng/Khối lượng tài sản thừa, thiếu		Ghi chú
				Số lượng/ Khối lượng	Nguyên giá (đồng)	GTCL (đồng)		Thừa	Thiếu	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	A. Trụ sở làm việc và các tài sản khác gắn liền với đất									

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Gồm:									
	B. Phương tiện vận tải									
	Gồm:									
	C. Máy móc, trang thiết bị									
	Gồm:									
	D. Các tài sản khác									
	Gồm:									

Nguyên nhân thừa, thiếu:.....

Kiến nghị, đề xuất hướng xử lý đối với tài sản thừa, thiếu:.....

.....

5.2. Đối với tài sản do phía nước ngoài chuyển giao cho Chính phủ Việt Nam:

STT	Danh mục tài sản (chi tiết theo từng loại tài sản)	Đơn vị tính	Năm đưa vào sử dụng	Số lượng/Khối lượng tài sản	Hiện trạng tài sản	Giá trị tài sản (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
	A. Phương tiện vận tải						
	Gồm:						

STT	Danh mục tài sản (chi tiết theo từng loại tài sản)	Đơn vị tính	Năm đưa vào sử dụng	Số lượng/Khối lượng tài sản	Hiện trạng tài sản	Giá trị tài sản (nếu có)	Ghi chú
	B. Máy móc, trang thiết bị						
	Gồm:						
	C. Các tài sản khác						
	Gồm:						

5.3. Đối với vật tư thu hồi từ việc tháo dỡ công trình kết cấu hạ tầng cũ:

STT	Danh mục tài sản (chi tiết theo từng loại vật tư)	Đơn vị tính	Số lượng/Khối lượng tài sản	Ghi chú
1	2	3	4	5
1				
2				
3				

Thành phần tham gia kiểm kê
(Ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP DANH MỤC TÀI SẢN ĐỀ NGHỊ XỬ LÝ

(Kèm theo Công văn số..... ngày..... tháng..... năm..... của.....)

A. DANH MỤC TÀI SẢN VÀ PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ

STT	Danh mục tài sản (chi tiết theo từng loại tài sản)	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng	Năm đưa vào sử dụng	Giá trị theo sổ kế toán		Đề xuất phương án xử lý			Ghi chú
					NG (đồng)	GTCL (đồng)	Điều chuyển (*)	Bán (**)	Thanh lý	
	I. Tài sản phục vụ hoạt động của dự án									
	1. Trụ sở làm việc và các tài sản khác gắn liền với đất									
	Gồm:									
	2. Phương tiện vận tải									
	Gồm:									
	3. Máy móc, trang thiết bị									
	Gồm:									
	4. Các tài sản khác									
	Gồm:									

STT	Danh mục tài sản (chi tiết theo từng loại tài sản)	Đơn vị tính	Số lượng/ khối lượng	Năm đưa vào sử dụng	Giá trị theo sổ kế toán		Đề xuất phương án xử lý			Ghi chú
					NG (đồng)	GTCL (đồng)	Điều chuyển (*)	Bán (**)	Thanh lý	
	II. Tài sản do phía nước ngoài chuyển giao cho Chính phủ Việt Nam									
	1. Phương tiện vận tải									
	Gồm:									
	2. Máy móc, trang thiết bị									
	Gồm:									
	3. Các tài sản khác									
	Gồm:									
	III. Vật tư thu hồi từ việc tháo dỡ các công trình kết cấu hạ tầng cũ									
	1.									

B. CÁC HỒ SƠ, GIẤY TỜ CÓ LIÊN QUAN

- 1.....
- 2.....
- 3.....

Người lập

(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng cơ quan báo cáo

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: (*) Trường hợp đề xuất điều chuyển tài sản thì nêu rõ cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án đề nghị nhận điều chuyển.

(**) Trường hợp đề xuất bán tài sản thì nêu rõ hình thức bán chỉ định hay bán đấu giá.

Mẫu số 03/TSDA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 87/2010/TT-BTC
ngày 15/6/2010 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BIÊN BẢN TIẾP NHẬN TÀI SẢN DO PHÍA NƯỚC NGOÀI
CHUYỂN GIAO CHO CHÍNH PHỦ VIỆT NAM**

Hôm nay, ngày... tháng... năm...., chúng tôi gồm:

A. Đại diện bên giao:

Ông (Bà):..... Chức vụ:.....

B. Đại diện bên nhận:

Ông (Bà):..... Chức vụ:.....

Thực hiện bàn giao và tiếp nhận tài sản bao gồm:

1. Danh mục tài sản bàn giao:

STT	Danh mục tài sản (chi tiết theo từng loại tài sản)	Đơn vị tính	Năm đưa vào sử dụng	Số lượng tài sản	Hiện trạng tài sản	Giá trị tài sản (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
	A. Phương tiện vận tải						
	Gồm:						
	B. Máy móc, trang thiết bị						
	Gồm:						
	C. Các tài sản khác						
	Gồm:						

2. Các hồ sơ về tài sản bàn giao:

3. Nghĩa vụ thuế đối với tài sản bàn giao:

IV. Ý kiến các bên giao nhận

1. Bên nhận:.....

.....

2. Bên giao:.....

.....

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN*(Ký tên và đóng dấu)***ĐẠI DIỆN BÊN GIAO***(Ký tên và đóng dấu)*

Mẫu số 04/TSDA*(Ban hành kèm theo Thông tư số 87/2010/TT-BTC**ngày 15/6/2010 của Bộ Tài chính)***Cơ quan báo cáo:.....****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****TỔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ TÀI SẢN KHI DỰ ÁN KẾT THÚC
CỦA CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NHÀ NƯỚC****(Năm.....)****I. Tổng số dự án sử dụng vốn nhà nước kết thúc trong năm báo cáo:**

Trong đó:

1. Dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước:.....
2. Dự án ODA:.....
3. Dự án viện trợ phi Chính phủ thuộc nguồn thu NSNN:.....
4. Dự án khác:.....

II. Tình hình xử lý tài sản: (Phụ lục đính kèm)**III. Số tiền thu được từ bán, thanh lý tài sản:**

1. Tổng số tiền thu được:.....
2. Tổng số chi phí:.....
3. Tổng số tiền nộp ngân sách:.....

IV. Đề xuất kiến nghị:

.....

.....

.....

Ngày... tháng.... năm....

Thủ trưởng cơ quan báo cáo*(Ký tên, đóng dấu)*

Ghi chú: - Mẫu này áp dụng đối với các dự án đã kết thúc trong năm báo cáo và các năm trước đó nhưng chưa xử lý xong.

- Các trường hợp dự án đã kết thúc trong năm nhưng chưa xử lý xong tài sản phải nêu rõ lý do.

- Các Bộ, cơ quan trung ương, UBND các tỉnh quy định cụ thể thời hạn, biểu mẫu các Ban quản lý dự án phải báo cáo để gửi Bộ, cơ quan trung ương, UBND tổng hợp gửi Bộ Tài chính.

TÌNH HÌNH XỬ LÝ TÀI SẢN CỦA CÁC DỰ ÁN ĐÃ KẾT THÚC
(Phụ lục đính kèm Bảng tổng hợp Mẫu số 04/TSDA)

ĐVT: triệu đồng

STT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Phải xử lý			Đã xử lý									Chưa xử lý			Ghi chú
			Số lượng/ Khối lượng	Tổng nguyên giá	Tổng giá trị còn lại	Điều chuyển			Bán			Thanh lý			Số lượng/ Khối lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	
						Số lượng/ Khối lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng/ Khối lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng/ Khối lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
I	Tài sản phục vụ hoạt động của dự án																	
1	Trụ sở làm việc và các tài sản khác gắn liền với đất																	
2	Phương tiện vận tải																	
3	Máy móc, trang thiết bị																	
4	Tài sản khác																	
II	Tài sản do phía nước ngoài chuyển giao cho Chính phủ Việt Nam																	
1	Phương tiện vận tải																	
2	Máy móc, trang thiết bị																	
3	Tài sản khác																	
III	Vật tư thu hồi từ việc tháo dỡ công trình kết cấu hạ tầng cũ:																	
...	...																	
	Tổng cộng																	

Mẫu số 05/TSDA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 87/2010/TT-BTC
ngày 15/6/2010 của Bộ Tài chính)

Cơ quan báo cáo:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ TÀI SẢN KHÔNG CÒN SỬ DỤNG
ĐƯỢC HOẶC KHÔNG CẦN SỬ DỤNG TRONG
QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN
(Năm.....)**

I. Tổng số dự án sử dụng vốn nhà nước chưa kết thúc nhưng phát sinh việc xử lý tài sản trong năm báo cáo:

Trong đó:

1. Dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước:.....
2. Dự án ODA:.....
3. Dự án viện trợ phi Chính phủ thuộc nguồn thu NSNN:.....
4. Dự án khác:.....

II. Tình hình xử lý tài sản: (Phụ lục đính kèm)

III. Số tiền thu được từ bán, thanh lý tài sản:

1. Tổng số tiền thu được:.....
2. Tổng số chi phí:.....
3. Tổng số tiền nộp ngân sách:.....

IV. Đề xuất kiến nghị:

.....
.....
.....

Thủ trưởng cơ quan báo cáo
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: - Mẫu này áp dụng cho dự án chưa kết thúc nhưng phát sinh việc xử lý tài sản trong năm báo cáo.

- Các Bộ, cơ quan trung ương, UBND các tỉnh quy định cụ thể thời hạn, biểu mẫu các Ban quản lý dự án phải báo cáo để gửi Bộ, cơ quan trung ương, UBND cấp tỉnh tổng hợp gửi Bộ Tài chính.

**TÌNH HÌNH XỬ LÝ TÀI SẢN KHÔNG CÒN SỬ DỤNG ĐƯỢC HOẶC KHÔNG CẦN SỬ DỤNG TRONG
QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN**

(Phụ lục đính kèm Bảng tổng hợp Mẫu số 05/TSDA)

ĐVT: triệu đồng

STT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Tổng số			Điều chuyển			Bán			Thanh lý			Ghi chú
			Số lượng/ Khối lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng/ Khối lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng/ Khối lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng/ Khối lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
I	Tài sản phục vụ hoạt động của dự án														
1	Trụ sở làm việc và các tài sản khác gắn liền với đất														
2	Phương tiện vận tải														
3	Máy móc, trang thiết bị														
4	Tài sản khác														
	Tổng cộng														